

Nhã Nhạc cung đình Huế-Di sản văn hoá phi vật thể nhân loại



Là một loại hình âm nhạc mang tính bác học của các triều đại quân chủ trong xã hội Việt Nam suốt hơn 10 thế kỷ. Nhã nhạc nhằm tạo sự trang trọng cho các cuộc tế, lễ cung đình như Tế Giao, Tế miếu, Lễ Đại triều, Thường triều...; Tinh hoa này được cô đọng lại dưới triều Nguyễn, khiến cho Huế càng được khẳng định hơn về một trung tâm văn hóa tiêu biểu của dân tộc. Với tất cả giá trị lịch sử ấy, lúc 15h30 ngày 7/11/2003, Nhã nhạc Việt Nam đã được UNESCO ghi tên vào Danh mục Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Huế song hành một lúc hai di sản văn hóa thế giới: vật thể và phi vật thể, đã đánh dấu một bước ngoặt về thế giới văn hóa của vùng đất này.

Hành trình lịch sử

Nhã nhạc (Âm nhạc cung đình) là loại hình âm nhạc chính thống, được xem là quốc nhạc, sử dụng trong các cuộc tế, lễ của triều đình. Các triều đại quân chủ Việt Nam hết sức coi trọng, phát triển Nhã nhạc, và loại hình âm nhạc này trở thành một biểu tượng cho vương quyền về sự trường tồn, hưng thịnh của triều đại. Các quy định về quy mô dàn nhạc, cách thức diễn xướng, nội dung bài bản... của Nhã nhạc đều rất chặt chẽ, phản ánh tính quy củ qua các định chế thẩm mỹ rất cao, có khả năng phản ánh tư tưởng, quan niệm triết lý của chế độ quân chủ đương thời.

Theo sách sử thì Nhã nhạc ra đời vào triều Lý (1010-1225) và hoạt động một cách quy củ vào thời Lê (1427-1788), là loại hình nhạc mang tính chính thống, với quy mô tổ chức chặt chẽ. Các tổ chức âm nhạc được thành lập, đặt dưới sự cai quản của các nhạc quan. Triều Lê đã định ra các loại nhạc như sau: Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Cửu nhật nguyệt lai trùng nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, đại yến nhạc, Cung trung nhạc. Song, vào giai đoạn cuối của triều Lê, âm nhạc cung đình dần dần đi vào thời kỳ suy thoái và nhạt phai dần.

Đến thời Nguyễn(1802-1945), vào nửa đầu thế kỷ XIX, điều kiện xã hội đã cho phép, âm nhạc cung đình phát triển trở lại. Triều đình Nguyễn quy định 7 thể loại âm nhạc, gần giống với các thể loại của triều Lê, bao gồm: Giao nhạc: Miếu nhạc: Ngũ tự nhạc: Đại triều nhạc: Thường triều nhạc: Yến nhạc: Cung trung nhạc: Dưới thời Nguyễn, Nhã nhạc được dùng trong các lễ tế đại triều 2 lần/tháng, thường triều 4 lần/tháng: Nam Giao, Tịch Điền, sinh nhật vua và hoàng hậu. Tế bất thường: Đăng quang, lễ tang của vua và hoàng hậu, đón tiếp sứ thần. Tùy theo từng cuộc tế lễ mà có các thể loại khác nhau, như đại triều nhạc dùng trong lễ Nguyên đán, Ban sóc ... Đại yến cửu tấu nhạc dùng trong mừng thọ, chúc thọ, tiếp đãi sứ thần ... Cung trung nhạc biểu diễn trong các cung hoàng thái hậu và thái hoàng thái hậu... Miếu nhạc sử dụng tại các nơi thờ vua, chúa ... Ngũ tự nhạc dùng trong tế Xã tắc, Tiên nông...

Nhã nhạc lúc này có hệ thống bài bản rất phong phú, với hàng trăm nhạc chương (lời ca bằng chữ Hán). Các nhạc chương đều do Bộ Lễ biên soạn phù hợp với từng cuộc lễ của triều đình. Tế Giao có 10 nhạc chương mang chữ Thành (thành công); Tế Xã tắc có 7 nhạc chương mang chữ Phong (được mùa); Tế Miếu có 9 nhạc chương mang chữ Hòa (hòa hợp), Tế Lịch Đại Đế vương có 6 nhạc chương mang chữ Văn (trí tuệ); Lễ Đại triều dùng 5 bài mang chữ Bình (hòa bình); Lễ Vạn thọ dùng 7 bài mang chữ Thọ (trường tồn); lễ Đại yến dùng 5 bài mang chữ Phúc (phúc lành)... Từ cơ sở kế thừa các triều đại trước, triều Nguyễn đã cho bổ sung thêm nhiều loại thể nhạc như Huyền nhạc, Ty trúc tế nhạc, Ty chung, Ty khánh, Ty cổ.

Vào cuối thế kỷ XIX, khi đất nước lâm vào nạn ngoại xâm, vai trò của triều đình mờ dần, thì âm nhạc cung đình cùng các lễ nghi cũng giảm và mờ dần. Vào cuối thời Nguyễn, chỉ còn duy trì 2 loại dàn nhạc là Đại nhạc (gồm trống, kèn, mõ, bông, xập xõa) và tiểu nhạc (trống bản, đàn tỳ bà, đàn nhị, đàn tam, địch, tam âm, phách tiền). Ngoài ra, triều đình cho du nhập dàn Quân nhạc của phương Tây, làm cho vai trò của Nhã nhạc càng mờ nhạt thêm.

Những nỗ lực bảo tồn di sản

Sau năm 1945, Nhã nhạc đã mất không gian vốn có của nó và có nguy cơ mai một dần. Hiện nay Nhã nhạc không còn giữ được diện mạo như xưa, nhưng nó vẫn có thể là một minh chứng độc đáo về sự sáng tạo văn hóa đặc biệt của dân tộc Việt Nam. Tuy đã được duy trì và phát triển qua cả nghìn năm, nhưng ngày nay, các tài liệu lịch sử về Nhã nhạc không còn nhiều, lại phân bố ở nhiều nơi, không có một cơ sở lưu trữ bài bản và hệ thống, các nghệ nhân, người hiểu biết về kỹ thuật diễn xướng cũng như kiến thức về Nhã nhạc còn quá ít ỏi ... thực tế đó đã và đang đặt ra nhiều vấn đề nan giải và bức xúc về công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị.

Từ sau năm 1975, Chính phủ, Bộ Văn hóa Thông tin và lãnh đạo của tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nhiều chủ trương, quyết định để bảo tồn loại hình văn hóa độc đáo này. Trong Quyết định 105/TTg ngày 12-2-1996 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án Quy hoạch Bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế 1996 - 2010, thì một trong những mục tiêu bảo tồn được xác định là: bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể cung đình Huế, trong đó được khẳng định là nhạc cung đình, múa cung đình, tuồng cung đình và lễ hội cung đình. Từ năm 1992, nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế ra đời, chuẩn bị các cơ sở phục vụ cho công tác bảo tồn âm nhạc cung đình Huế. Để đảm bảo có không gian diễn xướng tương ứng theo lịch sử, Trung tâm BTĐTCĐ Huế đã triển khai tu bổ các công trình như Duyệt Thị Đường, Lương Khiêm Đường, Nam Giao, Thế Miếu. Bên cạnh đó đã tổ chức nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu liên quan đến âm nhạc cung đình.

Tháng 3/1994 UNESCO đã phối hợp với Bộ Văn hóa Thông tin, UBND tỉnh, Trung tâm BTĐTCĐ Huế tổ chức Hội nghị quốc tế về bảo vệ và giữ gìn phục hồi văn hóa phi vật thể vùng Huế. Tiếp theo là các dự án đào tạo được Bộ Văn hóa Thông tin, các Quỹ của UNESCO, Chính phủ Nhật Bản ... tài trợ cho các lớp nhạc công, diễn viên ca múa cung đình.

Tháng 9/1996, Dự án đào tạo Nhã nhạc đầu tiên ở Việt Nam đã được xây dựng và tổ chức khai giảng tại trường ĐH Nghệ thuật Huế, với 15 sinh viên theo học các nhạc cụ thuộc dàn Đại nhạc và Tiểu nhạc. Sau đó, năm 1997 - 2000, JFAC đã tài trợ để tổ chức các hội nghị, tọa đàm về Nhã nhạc với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều nhà quản lý và đào tạo của nhiều nước như Nhật Bản, Phi-lip-pin, Việt Nam.

Cuối tháng 8/2002, phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Âm nhạc Việt Nam, Trung tâm BTĐTCĐ Huế, đã tổ chức Hội thảo Quốc tế về Âm nhạc cung đình Huế - Nhã nhạc, với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm góp phần thúc đẩy công cuộc bảo tồn di sản Nhã nhạc.

Bên cạnh đó, nhà hát Truyền thống cung đình Huế đã được thành lập (trực thuộc Trung tâm BTĐTCĐ Huế) bước đầu đã bảo tồn được một số bản nhạc như: 10 bản Ngự (Phẩm tuyệt, Nguyên tiêu, Hồ quảng, Liên hoàn, Bình bán, Tây mai, Kim tiền, Xung phong, Long hổ, Tầu mã), Long đăng, Long ngâm, Tiểu khúc...; các bản nhạc thường dùng trong dàn Đại nhạc (Tam luân Cửu chuyển, Thái bình Cổ nhạc, Đăng đàn cung, Phú lục, Tầu mã, Bông, Mã vũ, Mang, Đăng đàn đơn,

Đăng đàn kếp) cùng một số bài bản khác. Sự góp sức của đoàn Nghệ thuật Truyền thống Huế (thuộc Sở Văn hóa Thông tin và Câu lạc bộ Phú Xuân cũng góp phần tích cực vào việc bảo tồn di sản Nhã nhạc.

Cùng với việc phục hồi các tác phẩm kể trên, Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế của Trung tâm BTDTCD Huế đã tiến hành biểu diễn phục vụ khách đến Huế tham quan, nghiên cứu. Tổ chức nhiều đợt tuyên truyền ở các nước Châu Á, Châu Âu như: Hàn Quốc, Lào, Pháp, Bỉ, Áo, Lucxămbua, đã tham gia tích cực các chương trình nghệ thuật của Festival Huế 2000, 2002. Đặc biệt từ ngày 01/02 đến 14/02/2004, Nhà hát đã đi biểu diễn Nhã nhạc cung đình tại các thành phố Montreuil, Arras, Areueil, Lyon, Marseille, thủ đô Paris (thuộc Cộng hòa Pháp) và thủ đô Bruxelles (thuộc Vương quốc Bỉ). Trong đợt lưu diễn này, tại văn phòng UNESCO (Pháp), bằng chứng nhận Di sản Nhã nhạc Việt Nam là Kiệt tác Phi vật thể và Truyền khẩu của Nhân loại đã được UNESCO trao cho Huế.

Tỏa sáng với chức năng xã hội mới: khẳng định truyền thống văn hóa Việt Nam

Trung tuần tháng 8/2002, bộ hồ sơ Nhã nhạc đã được Trung tâm BTDTCD Huế thực hiện và Chính phủ đã ký quyết định gửi đến UNESCO đăng ký ứng cử vào Danh mục Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu nhân loại.

Hồ sơ Nhã nhạc bao gồm: trên 100 trang (hồ sơ viết), gần 100 trang phụ lục, trên 50 ảnh tư liệu và hiện trạng, phim slide, băng hình thuyết minh (10 phút), băng hình minh họa (70 phút), cùng nhiều tài liệu liên quan khác. Hồ sơ đã khẳng định Nhã nhạc là loại hình âm nhạc cung đình đạt đỉnh cao vào thế kỷ 19 ở Việt Nam, Huế là trung tâm hội tụ và lan tỏa các giá trị này. Với các giá trị của không gian, bối cảnh, các kỹ năng kỹ thuật, cách thức diễn xướng, trình tấu, vị thế mang tính chất khẳng định bản sắc văn hóa thực trạng của công cuộc bảo tồn và chương trình hành động...

Ngày 7/11/2003, Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Việt Nam đã được UNESCO công nhận là kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại cùng với 27 kiệt tác khác của Châu Á (10); Châu Mỹ La tinh, vùng Caribê (6); Châu Âu (4); Châu Phi (2); vùng Trung Đông (3), Đa quốc gia (2).

Với những giá trị nổi bật, Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Việt Nam, bằng tất cả những gì còn lại ở Huế chắc chắn sẽ tiếp tục được giữ gìn và bảo tồn một cách hiệu quả, góp phần cùng với các loại hình di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam khẳng định vị thế của một dân tộc, một quốc gia trong khu vực và thế giới.

Những giải pháp trọng tâm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị ở giai đoạn tới

Việc bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể không phải chỉ dựa vào trí tuệ một cá nhân, một tập thể, cũng không phải là công việc một sớm một chiều, mà phải có sự nỗ lực của các nhà khoa học, các nghệ nhân, nghệ sĩ, các nhà quản lý và của tất cả mọi người.

Một trong những vấn đề then chốt là phải tiến hành điều tra các giá trị văn hóa liên quan đến Âm nhạc cung đình Huế, xây dựng kế hoạch các sưu tập tư liệu sách vở, ảnh, phim, băng nhạc, đĩa hát... Qua đó, cần tư liệu hóa các tác phẩm âm nhạc để dàn dựng các chương trình bảo tồn, đồng thời nhân bản tư liệu để cất giữ, đề phòng mất mát, nhất là điều kiện thời tiết khắc nghiệt ở Huế.

Hơn nữa, cần tiếp cận những nghệ nhân, nhân chứng sống còn hiểu biết về âm nhạc cung đình, tiến hành thu băng, chụp hình, quay phim những diễn xuất giai điệu, ca từ mà họ trình bày. Hiện tại, những nghệ nhân xưa đã lần lượt ra đi, hạn hữu còn lại một vài vị cũng đã qua tuổi "cổ lai hy". Ví dụ, ông Lữ Hữu Thi đã bước sang tuổi 94, ông Nguyễn Mạnh Cẩm cũng đã tròn 90, ông Trần Kích cũng đã qua tuổi bát thập... vì vậy phải khẩn trương khai thác những tri thức kỹ năng, kỹ xảo quý giá còn ở nơi họ. Cùng với sự tiếp cận này, phải xây dựng một chế độ đãi ngộ thích đáng đối với các nghệ nhân để họ nhiệt tình truyền nghề lại cho các thế hệ kế tiếp.

Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng không kém phần quan trọng, nhằm góp phần nâng cao trình độ thưởng thức, huy động cái sở tri của mọi tầng lớp nhân dân về âm nhạc cung đình. Mở rộng tuyên truyền đến khách du lịch nước ngoài bằng các cuộc biểu diễn tại không gian diễn xướng lịch sử, mà âm nhạc cung đình đã thể hiện. Kêu gọi sự đóng góp tri thức của

các bậc thức giả: tranh thủ sự đầu tư, hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài cả về kinh phí, phương tiện, tư liệu, ỏ chức các đợt biểu diễn tuyên truyền Nhã nhạc ở nước ngoài.

Điều đáng quan tâm khác là phải thành lập Hội đồng khoa học gồm các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu có uy tín để thường xuyên kiểm chứng các khúc nhạc, lời ca nhằm kịp thời uốn nắn, chỉnh lý, thậm chí loại bỏ những sai sót không đáng có, tránh sự cải biên tùy tiện làm giảm các giá trị đích thực của âm nhạc truyền thống.

Ngoài ra, cần xúc tiến thành lập một Nhà/phòng bảo tàng Âm nhạc cung đình Huế, có thể hoạt động bên cạnh hoặc trong lòng Duyệt Thị Đường, để trưng bày lưu trữ những nhạc cụ, nhạc bản, phục trang, hình ảnh, tư liệu những đĩa hát xưa và nay, những băng từ ghi âm, ghi hình, các tài liệu nghe nhìn về nhạc cung đình Hế, các địa điểm diễn xướng, để làm cho các kiến trúc lịch sử này sống lại trong môi trường văn hóa vốn có của nó.

Với sự kiện Nhã nhạc được công nhận Di sản phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại, văn hóa Huế lại một lần nữa được đấng quang, chắc chắn sẽ tạo thêm những điều kiện mới cho sự phát triển của trung tâm văn hóa du lịch này. Bảo tồn di sản văn hóa âm nhạc cung đình luôn gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di tích cổ đô, bởi lẽ hai loại hình văn hóa này luôn đan xen, hòa quyện để làm nên vẻ đẹp viên mãn của di sản văn hóa Huế.

Vài nét về Nhã nhạc Cung đình Huế



Giữa tháng 12/2003, Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của LHQ (UNESCO) công nhận Nhã nhạc cung đình Huế là di sản văn hoá phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Ngày 31/1/2004 tại Paris thủ đô nước Pháp, lễ đón Bằng công nhận đã được tổ chức. Đây là lần đầu tiên, Việt Nam có một kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu được UNESCO công nhận - một vinh dự to lớn cho cả dân tộc Việt Nam nói chung và Huế nói riêng.

Lịch sử và tôn vinh

Nhã nhạc là một thuật ngữ liên quan đến âm nhạc cung đình có mặt tại 4 nước đồng văn: Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Nhã nhạc là nhạc chính thống của triều đình được dùng ở các cuộc lễ tế Giao, tế Miếu và trong các dịp triều hội; là sản phẩm kết hợp giữa Lễ và Nhạc.

Như vậy, có thể nói khi có triều đình phong kiến thì có Nhã nhạc. Tuy nhiên Nhã nhạc Việt Nam hình thành rõ nét và được sử sách ghi lại từ triều đại Lý - Trần, và theo đó các triều đại phong kiến tiếp theo giữ gìn, phát triển, bổ sung, sáng tạo ngày càng phong phú, tinh tế. Chúng ta hãy nghe vua Minh Mạng bàn với quần thần về Nhã nhạc, được sách Đại Nam thực lục ghi lại như sau. Vua nói: “Trẫm thấy buổi đầu gầy dựng, lễ nhạc còn thiếu, thường muốn sáng chế mà chưa nắm được cốt yếu. Các khanh có từng nhờ được nhã nhạc của triều Lê không?”. Quan bộ Lễ Phan Huy Thực đáp:

“Nhạc của triều Lê chỉ có đội bả lệnh mà thôi”. Vua nói: “Triều Lê có tiếng là thịnh vượng mà việc nhạc lễ thô bỉ như thế. Nay tuy nhạc xưa đã bỏ mất mà các đồ bát âm còn đó có thể khảo được. Nên tìm người hiểu âm nhạc cùng bọn các người chế tác”. Thực tế là Nhã nhạc triều Nguyễn đã kế thừa và phát triển Nhã nhạc triều Lê, chẳng hạn nó bao gồm các loại nhạc dùng trong tế Giao, tế Miếu, lễ Đại triều, lễ Đại yến, lễ Thượng thọ... Vì thế có thể hiểu Nhã nhạc hay Lễ nhạc là loại nhạc được triều đình quy định một cách chặt chẽ, mang tính nghi lễ là chủ yếu, chứ không bao gồm các nhạc du hí trong cung đình. Nhã nhạc còn có nghĩa hẹp và nghĩa phụ là tên gọi của một tổ chức âm nhạc cung đình. Chúng ta hiểu Nhã nhạc là loại nhạc thanh lịch, tao nhã với nghĩa rộng như trên, với ý nghĩa là đối lập với tục nhạc là nhạc trong dân gian (theo cách hiểu và gọi của chế độ phong kiến)

Giữa tháng 12/2003, Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của LHQ (UNESCO) công nhận Nhã nhạc cung đình Huế là di sản văn hoá phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Ngày 31/1/2004 tại Paris thủ đô nước Pháp, lễ đón Bằng công nhận đã được tổ chức. Đây là lần đầu tiên, Việt Nam có một kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu được UNESCO công nhận - một vinh dự to lớn cho cả dân tộc Việt Nam nói chung và Huế nói riêng.

Nhã nhạc cung đình Việt Nam hay còn gọi là Nhã nhạc cung đình Huế hoặc Nhã nhạc Huế (vì Huế là kinh đô cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam) là một loại hình nghệ thuật đặc sắc. Trước đó quần thể di tích cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá vật thể của nhân loại. Với sự công nhận Nhã nhạc cung đình Huế là di sản phi vật thể, một lần nữa Huế lại được tôn vinh, giới thiệu cho thế giới một nghệ thuật đặc sắc mà chỉ một số ít quốc gia có được và giữ gìn đến ngày nay.

Giá trị nghệ thuật

Sử sách của triều Nguyễn ghi lại có đến 12 cuộc lễ, mỗi cuộc lễ đều có ghi đầy đủ các bài ca chương và có 126 bài ca chương ghi đầy đủ lời ca nguyên gốc và bản dịch. Phần nhạc khí được quy định gồm 6 loại dàn nhạc. Đó là các dàn: Nhã nhạc, Nhạc huyền (bộ nhạc treo), Đại nhạc (Cổ xúy đại nhạc), Tiểu nhạc (ti trúc tế nhạc), Ty chung và Ty khánh (dàn nhạc chuông và khánh đá), Quân nhạc (đội bả lệnh). Các dàn nhạc trên đều có các nhạc khí cụ thể và không dưới 30 chủng loại với số lượng trên hàng trăm nhạc khí. Ví dụ riêng dàn Đại nhạc có đến 42 nhạc cụ của 4 chủng loại nhạc khí của 2 bộ gõ và hơi. Riêng bộ gõ thuộc về loại màng rung có 20 trống.

Về bài bản cũng rất phong phú. Ví dụ thể loại Tiểu nhạc và Đại nhạc có các bài bản như sau:

- Tiểu nhạc có 15 bài bản gồm Mười bản ngự (Thập thủ liên hoàn) và 5 bản: Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Long Ngâm, Tiểu khúc.

- Đại nhạc có các bài bản: Tam luân cửu chuyển, Ngũ lời (Đặng đàn cung), Đặng đàn cung đơn, Đặng đàn cung kép, Xàng xê, Kèn chiếu, Phú lục, Tẩu mã, Bông, Mã vũ, Man, Kèn bóp (Du xuân), Cung Nam, Nam Ai, Nam Bình, Nam Trĩ.

Tất cả các loại dàn nhạc, các nhạc khí, bài bản âm nhạc, ca chương... đều do những nhạc công, ca công, vũ công tài ba nhất của đất nước thực hiện. Âm nhạc đã trở thành một cặp song sinh với các đại lễ, trở thành tiếng nói huyền diệu, có khả năng giao cảm với trời đất, thần linh, tổ tiên. Đó cũng chính là những giá trị vô giá và trường tồn của dân tộc. Nhã nhạc Huế - di sản văn hoá âm nhạc “cổ điển bậc học Việt Nam” ẩn chứa những nguyên lý cấu trúc, những tư tưởng văn hoá triết lý phương Đông.

Trong bút ký Mười ngày ở Huế viết năm 1918 khi chứng kiến lễ tế Giao diễn ra trong 2 ngày 12 và 13 tháng 2 âm lịch, nhà báo Phạm Quỳnh đã ghi lại cảm xúc của mình như sau: “Ngoài sân phường ca hát ca khúc An thành, vừa múa, vừa hát. Đương đêm hơn một trăm con người đồng thành hát ca, nghe rất cảm động, tưởng thấu đến tận trời cao đất thẳm (...) cái tâm lòng thành của cả một dân, một nước”, “Cảnh giao đàn ban đêm như cảnh trong mộng, đèn thấp sáng trong đàn thành từng dãy dọc, dãy ngang, trông xa như một chữ Triện lớn viết bằng những nét chấm sáng mà treo lưng chừng trời. Tiếng đàn, tiếng sáo thì như nước chảy, suối reo, tiếng hát như tiếng thiên thần...”. Rõ ràng là Nhã nhạc, một thể loại của nghệ thuật cung đình Huế mà trong đó âm nhạc với một hệ thống kết cấu chặt chẽ đã đóng góp một phần hết sức quan trọng trên cả 5 lĩnh vực:

- Sự hoàn chỉnh của cấu trúc các dàn nhạc
- Hệ thống bài bản nhạc không lời hoà tấu.
- Nhạc đệm cho phần múa hát.
- Ca khúc trong các loại múa có hát.
- Các ca chương hát trong các hình thức của buổi lễ.

Bảo tồn và phát huy

Thành phố Huế mang trong lòng hai di sản văn hoá thế giới. Năm 2004, năm diễn ra Festival Huế lần thứ 3 (2 năm Huế tổ chức Festival một lần) là Festival tôn vinh Nhã nhạc Huế. Nhiều sân khấu đã tổ chức để trình diễn Nhã nhạc Huế và đều thu được những thành công.

Tuy nhiên không phải đến Festival Huế 2004, Nhã nhạc Huế mới được thế giới biết đến. Cách đây hơn 45 năm hai nhạc sĩ Trần Văn Khê và Nguyễn Hữu Ba đã tổ chức ghi âm nhạc cung đình Việt Nam giới thiệu với thế giới. Trong những năm 90 của thế kỷ XX, nhiều đoàn nghệ sỹ của Huế đã ra nước ngoài biểu diễn Nhã nhạc cung đình Việt Nam và đều được đánh giá cao. Ngày 31/1/2004, GS.TS nhạc sỹ Trần Văn Khê sau khi nghe Nhã nhạc Huế vang lên ở Paris, ông vẫn còn nguyên cảm xúc. Ông nói: “Tôi cảm thấy rất xúc động bởi vì tiếng đàn, tiếng kèn ngày xưa do các nhạc sư, nghệ nhân cao tuổi biểu diễn. Còn ngày hôm nay cũng tiếng đàn đó nhưng nhạc công lại là những người trẻ tuổi, và khi nhìn những gương mặt trẻ tuổi ấy, tôi như thấy được cả một tương lai và cả sự kế thừa những cái hay mà di sản văn hoá của cha ông để lại”.

Nhận thấy giá trị của Nhã nhạc và ý nghĩa của nó thời đại hiện nay, trước khi Nhã nhạc Huế được công nhận là di sản văn hoá phi vật thể, một lớp đào tạo Nhã nhạc Huế đã được khi giảng vào tháng 9/1996 tại trường Đại học nghệ thuật Huế với 15 sinh viên và lớp học đã thành công tốt đẹp. Việc bảo tồn, phát huy Nhã nhạc Huế đã được Bộ Văn hoá - Thể thao – Du lịch và tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho trường Đại học Nghệ thuật Huế trước đây, nay là Học viện Âm nhạc Huế và Nhà hát nghệ thuật cung đình Huế cùng với các nhà nghiên cứu, nghệ sỹ, nghệ nhân tâm huyết đảm nhiệm. Nhà hát có nhiệm vụ sưu tầm, sưu tra, tập hợp, phục dựng các bài bản, cùng với phương thức trình tấu, hình thức diễn xướng, tổ chức hội thảo về Nhã nhạc. Các kỳ Festival Huế 2004, 2006, 2008, Nhã nhạc Huế trình diễn các lễ tế đàn Nam Giao, lễ tế đàn Xã Tắc, lễ Truyền Lô, lễ thi tiến sỹ Võ, lễ lên ngôi hoàng đế Quang Trung... Nhã nhạc Huế còn được biểu diễn thường kỳ ở Nhà hát Duyệt Thị Đường (Đại nội Huế), Nhà hát Minh Khiêm Đường (Lăng Tự Đức).

Ngày nay dàn nhạc, bài bản, ca chương, vũ khúc của Nhã nhạc có thể sử dụng ở các hình thức diễn xướng khác nhau trong các dịp như: Festival Huế, lễ hội dân gian, lễ hội Phật giáo, âm nhạc thánh phòng, trong các nghi thức ngoại giao, biểu diễn phục vụ khách du lịch, biểu diễn phục vụ nhân dân trong các cuộc đại lễ hoặc tết cổ truyền dân tộc... Như vậy, Nhã nhạc có điều kiện và không gian diễn tấu phong phú hơn rất nhiều so với trước. Nhã nhạc đã trở về với nhân dân, chính vì vậy giá trị nghệ thuật của nó cũng sẽ được giữ gìn, trường tồn và không ngừng được phát huy.

Nhã nhạc cung đình Huế đã được công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại, nhưng công cuộc nghiên cứu vẫn còn tiếp tục. Ví dụ như mối quan hệ giữa Nhã nhạc cung đình Việt Nam với Nhã nhạc một số nước trong khu vực; nghiên cứu để có thể đưa trống đồng và đàn đá là hai loại nhạc khí rất đặc trưng của dân tộc vào “biên chế” của dàn nhạc Nhã nhạc; vấn đề trang phục nhạc công.v.v.. Rồi ý tưởng phải tiến tới xây dựng được một bảo tàng về Nhã nhạc. Cái khó hiện nay, ngoài kinh phí đã dành, còn có cái khó chung là tư liệu về Nhã nhạc ít ỏi, tản mạn; một số nghệ nhân, nghệ sỹ cao tuổi ít nhiều lưu giữ được di sản phi vật thể này “khuất núi” dần. Mặt khác quan niệm về Nhã nhạc, cũng như phương pháp bảo tồn, phát huy Nhã nhạc vẫn còn có những ý kiến khác nhau. Giải bài toán về mối quan hệ giữa “bảo tồn” và “phát triển” đòi hỏi có sự cẩn trọng và chuyên môn sâu...

Nhã nhạc cung đình Huế là một trong những tài sản vô giá của dân tộc ta. Giá trị ấy đã trường tồn cùng dân tộc và đã được nhân loại tôn vinh. Việc bảo tồn phát huy nó trong xã hội đương đại là công việc rất nặng nề nhưng bước đầu đã thu được những thành quả rất đáng phấn khởi.

Theo Minh Khiêm